TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày: 18-4-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Duy Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2024/TLST–DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Thanh L, sinh năm 1989; nơi thường trú: 60, C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 92A/2024/UQ-CNBD ngày 17 tháng 10 năm 2024), vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1983; nơi thường trú: 199/31/1 N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 92/2024/UQ-CNBD ngày 17 tháng 10 năm 2024), vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Phương Q, sinh năm 2004; nơi thường trú: Tổ F, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Lê Thanh L trình bày:

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, bà Lê Thị Phương Q được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S) cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền là 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 23 tháng 8 năm 2023 với mục đích tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng: đến ngày 01 tháng 02 năm 2024, bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ khoản vay đã chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng S buộc bà Lê Thị Phương Q phải trả số tiền là 46.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Phương Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn Ngân hàng S1 và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng S có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời gửi bảng kê tính lãi của khách hàng Lê Thị Phương Q đến ngày 17 tháng 4 năm 2025 như sau: Tổng số nợ còn phải thanh toán của bà Lê Thị Phương Q là 54.197.421 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.197.421 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Phương Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại tại các Điều từ 26 đến 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

+ Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của BLTTDS. Thư ký tuân theo các Điều 51, 237 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn vắng mặt không cung cấp các giấy tờ thể hiện ý kiến của bị đơn. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ việc theo quy định tại các Điều 227, 228 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/08/2023 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Lê Thị Phương Q được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Lê Thị Phương Q đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà Q đã sử dụng thanh toán nhưng sau đó bà Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm cam kết đã ký giữa các bên theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền tiền gốc và lãi là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ các Điều 117, 288, 317, 320, 401, 463 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

khởi kiện bà Lê Thị Phương Q tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Thị Phương Q có nơi cư trú tại tổ F, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Lê Thanh L, ông Nguyễn Thanh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị Phương Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 23 tháng 8 năm 2023, bà Lê Thị Phương Q được Ngân hàng S cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền là 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 23 tháng 8 năm 2023 với mục đích tiêu dùng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 01 tháng 02 năm 2024, bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ khoản vay đều đã chuyển nợ quá hạn. Cho đến ngày 17 tháng 4 năm 2025, bà Lê Thị Phương Q nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 54.197.421 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn bà Lê Thị Phương Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng S1 đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân giữa các bên thể hiện bằng văn bản, nội dung thỏa thuận cụ thể về số tiền được cấp, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[2.3] Bà Lê Thị Phương Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tại phiên tòa, Ngân hàng S yêu cầu bà Lê Thị Phương Q phải thanh toán tổng số tiền là 54.197.421 đồng (trong đó: nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là

24.197.421 đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

[2.4] Ngân hàng S yêu cầu bà Lê Thị Phương Q trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 23 tháng 8 năm 2023, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng S1 là phù hợp nội dung "*...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"* được quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lê Thị Phương Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bị đơn bà Lê Thị Phương Q về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Lê Thị Phương Q trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 54.197.421 (năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi mốt) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lê Thị Phương Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 23 tháng 8 năm 2023.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003880 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Lê Thị Phương Q phải nộp 2.709. 871 (hai triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết